

Bản án số: 03/2019/DS - ST  
Ngày 15 - 11 - 2019  
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Oanh.
2. Bà Bùi Thị Thịnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Dạ Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Ông Hồ Đức Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2019/TLST-DS ngày 14/8/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-DS ngày 22/10/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-DS ngày 11/11/2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; nơi cư trú: Số nhà 1062, tổ 8, thị trấn V, huyện Q, tỉnh G. Có mặt.

**- Bị đơn:**

+ Anh Nguyễn Đức H1, sinh năm 1974; cư trú tại: Số nhà 925, Tổ 8, thị trấn V, huyện Q, tỉnh G và là người được chị Nông Thị L ủy quyền. Có mặt.

+ Chị Nông Thị L, sinh năm 1973; cư trú tại: Số nhà 925, Tổ 8, thị trấn V, huyện Q, tỉnh G. Người đại diện theo ủy quyền của chị Nông Thị L là anh Nguyễn Đức H1, sinh năm 1974 (Chồng của chị L).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/8/2019, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Do có sự quen biết là hàng xóm láng giềng nên trong thời gian từ năm 2017 đến 2018 vợ chồng chị Nông Thị L và anh Nguyễn Đức H1 cùng cư trú tại Tổ 8, thị trấn Việt Quang,

huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang có đến gia đình tôi hỏi vay tiền và tôi đã cho vợ chồng anh chị H1, L vay tiền 04 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 08/6/2017 cho vay 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) cả hai vợ chồng chị L, anh H1 cùng ký vào giấy vay tiền.

Lần 2: Vào ngày 29/9/2017 cho vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng), một mình chị L ký giấy vay tiền.

Lần 3: Vào ngày 27/3/2018 cho vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), một mình anh H1 ký giấy vay tiền.

Lần 4: Vào ngày 02/4/2018 vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) một mình chị L ký giấy vay tiền.

Tổng số tiền tôi cho vợ chồng chị L, H1 vay là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng), hai bên thống nhất số tiền lãi hàng tháng vợ chồng L, H1 phải trả là 2.500.000đ trên tổng số tiền gốc vay là 140.000.000đ. Khi vay tiền, vợ chồng L, H1 có để lại chỗ tôi 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 459579, do UBND huyện Bắc Quang cấp ngày 05/4/2017 cho anh Nguyễn Đức H1 và chị Nông Thị L để làm tin. Tuy nhiên cho đến nay vợ chồng chị L, H1 đã lâu không trả tiền lãi cho tôi, sau nhiều lần đòi nợ nhưng vợ chồng L, H1 không trả tiền, vì vậy để đảm bảo quyền lợi của mình, tôi làm đơn khởi kiện và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang giải quyết buộc chị Nông Thị L và anh Nguyễn Đức H1 phải trả lại cho tôi số tiền nợ gốc là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) và số tiền lãi là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), tổng cộng là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Khi nào anh chị H1, L trả đủ tiền cho tôi thì tôi sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh chị H1, L.

Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải bị đơn anh Nguyễn Đức H1, chị Nông Thị L trình bày: Vợ chồng chúng tôi và bà Nguyễn Thị H cùng là hàng xóm láng giềng, cư trú tại Tổ 8, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Vào đầu năm 2017 chị H có cho chúng tôi vay tổng số tiền là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng), số tiền vay làm 4 lần, lãi suất cho vay là 1.000đ/1.000.000đ/1 ngày, cụ thể số tiền vay, thời gian vay và tiền lãi phải trả như sau:

Lần 1: Vay ngày 08/6/2017 đến ngày 08/8/2018 vay 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) = 14 tháng x 2.700.000đ/01 tháng = 37.000.000đ.

Lần 2: Vay ngày 29/9/2017 đến ngày 29/8/2018 vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng) = 11 tháng x 300.000đ/01 tháng = 3.300.000đ.

Lần 3: Vay ngày 27/3/2018 đến ngày 27/8/2018 vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) = 05 tháng x 600.000đ/01 tháng = 3.000.000đ.

Lần 4: Vay ngày 02/4/2018 đến ngày 02/8/2018 vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) = 04 tháng x 600.000đ/01 tháng = 2.400.000đ.

Khi vay tiền của chị H, vợ chồng tôi có thể chấp một giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất số CG 459579, do UBND huyện Bắc Quang cấp ngày 05/4/2017 mang tên Nguyễn Đức H1 và Nông Thị L cho chị Nguyễn Thị H, địa chỉ thửa đất tại Thôn Tân Thành, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Trước khi cho vay chị H đã cùng chồng là Đặng Văn Tuyên, đến tại thửa đất nêu trên để xác minh thực trạng và giá trị thực tế của thửa đất đó. Đến tháng 8/2018 chúng tôi đã trả cho chị H được số tiền là 46.500.000đ (*Bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng*). Từ tháng 9/2018 vì điều kiện khó khăn chúng tôi đã xin chị H giảm lãi và chị H đã đồng ý tính tổng số tiền gốc vay là 140.000.000đ lấy lãi là 2.500.000đ/ 01 tháng, chúng tôi đã trả lãi từ tháng 9/2018 đến cuối tháng 6/2019 số tiền là 25.000.000đ. Như vậy tính từ ngày vay tiền đến hết tháng 6/2019 chúng tôi đã trả cho chị H được số tiền là 71.500.000đ (*Bảy mươi một triệu năm trăm nghìn đồng*). Vào cuối tháng 7/2019, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, chúng tôi đã sang nhà chị H khát lãi để thu xếp trả sau nhưng chị H không đồng ý và đòi lấy tiền gốc vì đã quá hạn trả. Tuy nhiên khi cho vay và trong các giấy vay tiền đều không ghi thời hạn trả, chị H chỉ yêu cầu trả lãi đều là được, lúc nào có thì trả gốc. Nay chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang giải quyết buộc chúng tôi trả lại số tiền nợ gốc là 140.000.000đ (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*) và số tiền lãi là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), tổng cộng là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), chúng tôi không nhất trí, vì gia đình chúng tôi rất khó khăn không có tiền mặt để trả số tiền trên, hơn nữa khi vay tiền hai bên có thỏa thuận thế chấp quyền sử dụng đất, vì vậy chúng tôi sẽ có trách nhiệm chuyển quyền sử dụng đất đã thế chấp có giá trị tương ứng với khoản vay cho chị H để trừ vào số tiền đã vay.

Tại buổi hòa giải ngày 23/9/2019, chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu anh Nguyễn Đức H1, chị Nông Thị L trả cho chị số tiền gốc đã vay là 140.000.000đ và tiền lãi là 3.079.000đ (*Ba triệu không bảy chín nghìn đồng*), tổng số tiền anh H1, chị L phải trả cho cho chị là 143.079.000đ (*Một trăm bốn mươi ba triệu không trăm bảy mươi chín nghìn đồng*).

Sau khi hòa giải, các bên đương sự đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về số tiền phải thanh toán là 143.079.000đ (*Một trăm bốn mươi ba triệu không trăm bảy mươi chín nghìn đồng*), tuy nhiên phương thức thanh toán và thời gian thanh toán không thỏa thuận được, cụ thể: Chị H yêu cầu anh chị L, H1 thanh toán số tiền nợ làm 04 lần vào thời gian như sau:

- Lần 1: Vào ngày 25/12/2019 vợ chồng anh H1, chị L phải thanh toán số tiền 38.000.000đ;

- Lần 2: Vào ngày 25/4/2020 vợ chồng anh H1, chị L phải thanh toán số tiền 38.000.000đ;

- Lần 3: Vào ngày 25/8/2020 vợ chồng anh H1, chị L phải thanh toán số tiền 35.000.000đ;

- Lần 4: Vào ngày 25/12/2020 vợ chồng anh H1, chị L phải thanh toán số tiền 35.079.000đ;

Nhưng anh H1, chị L không nhất trí trả tiền mà anh, chị đề nghị chị H nhận quyền sử dụng đất mà anh chị đã thế chấp cho chị H để thanh toán số tiền nợ là 143.079.000đ (*Một trăm bốn mươi ba triệu không trăm bảy mươi chín nghìn đồng*), chị H không nhất trí và có đơn đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử, yêu cầu vợ chồng anh H1, chị L phải thanh toán số tiền gốc và tiền lãi là 143.079.000đ (*Một trăm bốn mươi ba triệu không trăm bảy mươi chín nghìn đồng*). Quá trình lấy lời khai và tại phiên hòa giải các bên đương sự đều không thống nhất được phương thức và thời gian thanh toán, nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc anh Nguyễn Đức H1 và chị Nông Thị L phải trả cho chị số tiền gốc và lãi là 143.079.000 đồng (*Một trăm bốn mươi ba triệu không trăm bảy mươi chín nghìn đồng*). Bị đơn cũng thừa nhận tổng số tiền gốc đã vay và số tiền lãi pH1 trả là 143.079.000 đồng (*Một trăm bốn mươi ba triệu không trăm bảy mươi chín nghìn đồng*) nhưng hiện tại anh, chị chưa có điều kiện để thanh toán, nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và anh chị H1, L đề nghị chị Nguyễn Thị H trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 459579, do UBND huyện Bắc Quang cấp ngày 05/4/2017 mang tên ông Nguyễn Đức H1 và bà Nông Thị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng đã quy định; những người tham gia tố tụng dân sự đều chấp hành và tuân theo đúng pháp luật tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 463; 466 của Bộ luật Dân sự, Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Nguyễn Đức H1, chị Nông Thị L pH1 có nghĩa vụ thanh toán cho chị Nguyễn Thị H số tiền gốc và lãi là 143.079.000 đồng (*Một trăm bốn mươi ba triệu không trăm bảy mươi chín nghìn đồng*).

- Về án phí: Bị đơn anh Nguyễn Đức H1 và chị Nông Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Về thẩm quyền: Xét đơn khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của chị Nguyễn Thị H được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về sự vắng mặt của bị đơn chị Nông Thị L: Quá trình giải quyết vụ án chị Nông Thị L đã ủy quyền cho anh Nguyễn Đức H1 là người đại diện cho chị và quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" tại Tòa án theo văn bản ủy quyền ngày 13/9/2019 tại Văn phòng công chứng huyện Bắc Quang. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bên đương sự đã xác định được: Từ năm 2017 đến năm 2018 anh Nguyễn Đức H1 và chị Nông Thị L có vay tiền của chị Nguyễn Thị H 04 lần với tổng số tiền là 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*), các lần vay tiền đều viết giấy vay tiền ghi cụ thể số tiền vay và thời gian vay nhưng không ghi về lãi suất và thời gian trả, chỉ có giấy vay tiền ngày 27/3/2018 do anh Nguyễn Đức H1 viết có ghi thời gian vay là 01 tháng. Do trong giấy vay tiền không ghi thời gian vay và lãi suất nên chị Nguyễn Thị H đã yêu cầu vợ chồng anh H1, chị L pH1 thanh toán số tiền vay gốc của cả 04 lần là 140.000.000đ và số tiền lãi theo quy định của pháp luật, nhưng anh chị H1 L do có khó khăn về kinh tế nên không thể trả được tiền cho chị H và đề nghị được trả nợ bằng quyền sử dụng đất đã thế chấp cho chị H để khấu trừ vào số tiền nợ nhưng chị H không đồng ý và khởi kiện tại Tòa án. Tại buổi hòa giải ngày 23/9/2019 các bên đương sự đã thống nhất được số tiền gốc và tiền lãi mà anh Nguyễn Đức H1 và chị Nông Thị L phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị H là 143.079.000đ (*Một trăm bốn mươi ba triệu không trăm bảy mươi chín nghìn đồng*), nhưng phương thức thanh toán và thời gian thanh toán không thống nhất được với nhau nên chị Nguyễn Thị H đã có đơn đề nghị đưa vụ án ra xét xử buộc anh Nguyễn Đức H1 và chị Nông Thị L phải trả cho chị số tiền gốc đã vay là 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*) và số tiền lãi là 3.079.000đ (*Ba triệu không bảy chín nghìn đồng*). Việc vay nợ nêu trên của anh Nguyễn Đức H1 và chị Nông Thị L đã được anh H1, chị L thừa nhận trong bản tự khai, biên bản hòa giải và được chứng minh bằng chữ viết và chữ ký của anh chị H1, L trong các giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp. Hơn nữa trong 04 giấy vay tiền nguyên đơn cung cấp có 03 giấy vay tiền đề các ngày 08/6/2017, 29/9/2017 và 02/4/2018 là không kỳ hạn và không có lãi, còn giấy vay tiền đề ngày 27/3/2018 do anh Nguyễn Đức H1 viết có ghi số tiền vay là 20.000.000đ, thời gian vay là 01 tháng và không có lãi suất nên chị Nguyễn Thị H có quyền đòi lại tài sản và yêu cầu trả lãi theo quy định tại khoản 4 điều 466, khoản 1 điều 469 và khoản 1 điều 470 của Bộ luật dân sự, đồng thời căn cứ khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự xét thấy nguyên đơn chị Nguyễn Thị H yêu cầu bị đơn là anh Nguyễn Đức H1 và chị Nông Thị L phải trả lãi cho khoản vay 20.000.000đ trong giấy vay tiền đề ngày 27/3/2018 là có căn cứ, cụ thể: Thời gian vay tiền là ngày 27/3/2018, thời hạn vay là 01 tháng nên thời gian chậm trả đến ngày xét xử là 562 ngày, số tiền vay là 20.000.000đ thì số tiền lãi theo quy định của pháp luật được tính là:

$$\frac{20.000.000 \text{ đ} \times 562 \text{ ngày} \times 10\%}{365 \text{ ngày}} = 3.079.000 \text{ đ}$$

Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi phải trả là 3.079.000đ phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

Đối với lời trình bày của bị đơn tại bản tự khai và tại phiên tòa về việc đã trả cho chị Nguyễn Thị H từ ngày vay tiền đến hết tháng 6/2019 số tiền là 71.500.000đ (*Bảy mươi một triệu năm trăm nghìn đồng*), nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về số tiền đã trả cho chị H và chị H cũng không thừa nhận đã nhận số tiền nêu trên, vì vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Đối với đề nghị của bị đơn tại buổi hòa giải và tại phiên tòa về phương thức thanh toán là quyền sử dụng đất đã được UBND huyện Bắc Quang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 459579, ngày 05/4/2017 mang tên ông Nguyễn Đức H1 và bà Nông Thị L để thanh toán cho số tiền phải trả là 143.079.000đ (*Một trăm bốn mươi ba triệu không trăm bảy mươi chín nghìn đồng*), vì khi vay tiền bị đơn đã thế chấp quyền sử dụng đất cho nguyên đơn. Nhận thấy tại giấy vay tiền ngày 08/6/2017 với số tiền vay là 90.000.000đ chị Nguyễn Thị H đã cung cấp cho Tòa án thì mặt sau giấy vay tiền có ghi nội dung: "*Vợ chồng tôi có thể chấp tài sản: 1 sổ quyền sử dụng đất mang tên: Nguyễn Đức H1 và bà Nông Thị L. Quyền số: CG 459579, ký ngày 05/4/2017, đất tại thôn Tân Thành, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang*", trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn thừa nhận, hiện nay đang quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên do anh Nguyễn Đức H1, chị Nông Thị L đưa cho để làm tin, đồng thời các bên đương sự đều xác nhận việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong hợp đồng vay tiền ngày 08/6/2017 nhưng không có công chứng hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân thị trấn nơi có đất và được đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai. Xét giao dịch dân sự về việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên giữa anh Nguyễn Đức H1, chị Nông Thị L với chị H là không thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại điều 500 và 502 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 167 và khoản 3 điều 188 của Luật đất đai 2013, đồng thời chị Nguyễn Thị H cũng không thừa nhận có nhận thế chấp quyền sử dụng đất của anh H1, chị L mà chị chỉ cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà anh H1, chị L đưa cho để làm tin. Do đó, việc thế chấp quyền sử dụng đất giữa anh Nguyễn Đức H1, chị Nông Thị L không có giá trị pháp lý nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên. Xét yêu cầu của anh Nguyễn Đức H1, chị Nông Thị L đề nghị được thanh toán số tiền vay bằng quyền sử dụng đất đã thế chấp là không có căn cứ theo quy định của pháp luật, anh Nguyễn Đức H1 và chị Nông Thị L ký kết hợp đồng vay tiền với chị Nguyễn Thị H thì phải có nghĩa vụ thanh toán bằng tiền số tiền đã vay theo quy định tại khoản 1 điều 466 của Bộ luật dân sự. Hơn nữa, việc thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên không có giá trị pháp lý nên việc chị Nguyễn Thị H đang chiếm hữu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh H1, chị L là không có cơ sở, vì vậy căn cứ Điều 166 và điều

579 của Bộ luật dân sự, cần chấp nhận đề nghị của anh Nguyễn Đức H1 tại phiên tòa yêu cầu chị H phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang cất giữ của anh H1, chị L.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Yêu cầu của chị Nguyễn Thị H về việc buộc anh Nguyễn Đức H1, chị Nông Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 143.079.000 đồng (*Một trăm bốn mươi ba triệu không trăm bảy mươi chín nghìn đồng*) đã vay là hoàn toàn có cơ sở và đúng với quy định của pháp luật, nên cần được chấp nhận. Đối với việc chị Nguyễn Thị H đang quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 459579, do UBND huyện Bắc Quang cấp ngày 05/4/2017 mang tên ông Nguyễn Đức H1 và bà Nông Thị L là không đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Đức H1, chị Nông Thị L, buộc chị Nguyễn Thị H phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H1, chị L.

[2] Về án phí: Anh Nguyễn Đức H1 và chị Nông Thị L còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Trả lại chị Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463; 466, khoản 2 điều 468, 166, 579 của Bộ luật Dân sự ; Điều 9, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc anh Nguyễn Đức H1, chị Nông Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị Nguyễn Thị H số tiền là 143.079.000 đồng (*Một trăm bốn mươi ba triệu không trăm bảy mươi chín nghìn đồng*).

3. Buộc chị Nguyễn Thị H phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 459579, do UBND huyện Bắc Quang cấp cho ông Nguyễn Đức H1 và bà Nông Thị L ngày 05/4/2017 cho anh Nguyễn Đức H1 và chị Nông Thị L.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

3. Về án phí: Anh Nguyễn Đức H1, chị Nông Thị L phải chịu 7.154.000 đồng (*Bảy triệu một trăm năm mươi tư nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại chị Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000đ (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai số 0000867 ngày 14/8/2019.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Nhung**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Nguyễn Thị Oanh**

**Bùi Thị Thịnh**

**Nguyễn Thị Nhung**

